

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92/2026/DS-PT**

Ngày: 06-02-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thái Lan;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuấn và bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 523/2025/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2025/DS-ST ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2026/QĐ-PT ngày 05/01/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là: Thôn H, phường T, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Thanh T; Địa chỉ: 1 K, phường I, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là: 10/62/6 K, phường N, thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Diễm H1, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số nhà C N, Thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là: Số nhà C N, Thôn C, phường T, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Hoài Ngọc T1; Địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Thanh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Diễm H1 trước đây có mối quan hệ bạn bè với nhau. Trong năm 2024, bà H1 có vay tiền của bà H 02 lần, cụ thể: Lần 1 vào ngày 02/6/2024 vay số tiền 20.000.000 đồng và lần 2 vào ngày 03/8/2024 vay số tiền 10.000.000 đồng, tổng

cộng 30.000.000đồng, hai khoản vay trên đều thỏa thuận lãi suất 1,4%/tháng và hạn đến tháng 9/2024 (bất kỳ ngày nào trong tháng 9, không hạn ngày trả cụ thể) sẽ trả cả gốc và lãi của cả hai khoản vay trên. Ngoài mối quan hệ vay mượn trên thì bà H1 có chơi dây huê với bà H 5.000.000 đồng/1 chân/1 tháng và bà H1 đã chuyển vào tài khoản của bà H vào ngày 22/11/2024. Bà H thừa nhận nội dung này và bà H đồng ý trừ số tiền 5.000.000 đồng này vào số tiền gốc bà H1 còn nợ, như vậy bà H1 còn nợ bà H số tiền 25.000.000đồng. Khi vay bà H1 có nói mục đích vay là để tiêu dùng trong gia đình và không thế chấp tài sản gì. Số tiền này bà H chỉ cho một mình bà H1 vay, không liên quan gì đến chồng bà H1.

Quá trình vay bà H1 trả cho bà H số tiền lãi suất, cụ thể:

- + Ngày 02/7/2024 trả 1.200.000 đồng, chuyển vào tài khoản của bà H (số thứ tự số G).
- + Ngày 02/9/2024 trả 1.800.000 đồng, chuyển vào tài khoản của bà H (số thứ tự 454).
- + Ngày 02/10/2024 trả 1.800.000 đồng, chuyển vào tài khoản của bà H (số thứ tự 864).
- + Ngày 03/11/2024 trả 1.800.000 đồng, chuyển vào tài khoản của bà H (số thứ tự 1343).
- + Ngày 03/12/2024 trả 2.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản của bà H (số thứ tự 1638).

Tổng số tiền lãi bà H1 đã trả là: 8.400.000 đồng, ngoài các khoản tiền đã trả này thì bà H1 khai có trả cho bà H bằng tiền mặt nhiều lần là không đúng, nếu có đề nghị bà H1 cung cấp tài liệu, chứng cứ. Đến tháng 2 năm 2025 bà H yêu cầu bà H1 trả số tiền gốc còn lại và lãi suất nhưng bà H1 vẫn chưa trả hết số tiền gốc còn lại và lãi suất. Vì vậy bà H khởi kiện bà H1 tại Tòa án yêu cầu bà H1 trả số tiền gốc là 30.000.000đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện:

- Đối với số tiền huê 5.000.000 đồng: Trước đây tại biên bản hòa giải ngày 04 tháng 8 năm 2025 bà H đồng ý trừ số tiền huê 5.000.000 đồng này vào số tiền gốc bà H1 còn nợ nhưng qua trao đổi với bà H thì tại phiên tòa hôm nay bà H không đồng ý khấu trừ số tiền này, có sự việc bà H và bà H1 thỏa thuận chơi huê nhưng các bên chưa tiến hành chơi huê.

- Đối với số tiền bà H1 khai vay của bà H 5.000.000đồng ngày 05/11/2024 các bên không có giấy tờ, tuy nhiên bà H1 đã thừa nhận tại bản tự khai ngày 03/6/2025. Vì vậy tại phiên tòa hôm nay bà H yêu cầu bà H1 trả thêm số tiền này và lãi suất phát sinh.

- Đối với số tiền bà H1 đã trả cho bà H là 8.400.000đồng theo các giao dịch chuyển tiền từ ngày 02/6/2024 đến ngày 03/12/2024: Bà H xác định lại trong số tiền này

thì bà H1 trả tiền gốc là 5.971.544đồng và tiền lãi 1.66%/tháng là 2.428.456đồng. Như vậy bà H1 còn nợ bà H số tiền gốc là 24.028.456đồng. Tổng cộng số tiền gốc bà H yêu cầu bà H1 trả là 29.028.456đồng và lãi suất phát sinh 1.66%/tháng từ ngày 04/12/2024 đến ngày trả xong nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H1 trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Thị H là khách hàng đến gọi đầu tại tiệm gọi đầu của tôi, bà H có nói bà H có tiền cho vay, nếu tôi có nhu cầu muốn vay thì bà H cho vay. Vì vậy, trong năm 2024 tôi có vay của bà H cụ thể số tiền: Lần 1 vào ngày 02/6/2024 vay số tiền 20.000.000 đồng và lần 2 vào ngày 03/8/2024 vay số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng 30.000.000đồng và có giấy vay tiền, thỏa thuận miệng lãi suất 2.000 đồng/1 ngày/1 triệu, lãi trả hàng tháng. Đối với số tiền gốc, bà H không giới hạn thời hạn trả nợ mà khi nào tôi có điều kiện thì tôi chủ động trả 02 khoản vay này tôi không thể chấp tài sản gì. Sau khi vay, tôi đã trả lãi, cụ thể:

+ Ngày 2/7/2024 trả 1.200.000 đồng, chuyển vào tài khoản của bà H (số thứ tự số G).

+ Tháng 8/2024 trả 1.200.000 đồng, trả tiền mặt cho bà H, không ký nhận giấy tờ gì.

+ Ngày 02/9/2024 trả 1.800.000 đồng, chuyển vào tài khoản của bà H (số thứ tự 454).

+ Ngày 02/10/2024 trả 1.800.000 đồng, chuyển vào tài khoản của bà H (số thứ tự 864).

+ Ngày 03/11/2024 trả 1.800.000 đồng, chuyển vào tài khoản của bà H (số thứ tự 1343).

+ Ngày 03/12/2024 trả 2.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản của bà H (số thứ tự A) + 100.000 đồng tiền mặt (trong đó 1.800.000 đồng là trả lãi của khoản vay trên và 300.000 đồng là đóng tiền huê theo ngày).

+ Ngày 05/11/2024 bà H cho tôi mượn tiền mặt 5000.000đồng không có giấy tờ gì và không tính lãi suất. Khoảng tháng 1 năm 2025 tôi đã trả khoản vay này cho bà H bằng tiền mặt.

+ Từ ngày 01/01/2025 đến khoảng ngày 25, 26/2/2025 tôi trả 60.000 đồng tiền lãi/1 ngày, trả tiền mặt cho bà H nhận trực tiếp, không ký nhận giấy tờ gì, số tiền đã trả là khoảng 3.360.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi tôi đã trả là 13.260.000 đồng.

Đến tháng 02 năm 2025 bà H yêu cầu tôi trả gốc và lãi suất một lần nhưng tôi không có tiền để trả nên bà H tiến hành khởi kiện tôi.

Ngoài 02 khoản vay trên, bà H còn rủ tôi chơi huê và bà H có hứa sau khi hốt huê bà H sẽ đưa cho tôi mấy chục triệu từ tiền chơi huê để tôi làm ăn và trả bớt nợ. Vì vậy, tôi đã chuyển khoản cho bà H 5.000.000đồng vào ngày 22/11/2024, nhưng đến nay bà H

vẫn không đưa cho tôi mấy chục triệu như đã hứa. Nay, bà H lại khởi kiện yêu cầu trả tôi trả số gốc nêu trên và lãi suất phát sinh thì tôi thừa nhận còn nợ bà H số tiền trên nhưng không đồng ý trả. Bởi vì bà H chưa cho tôi hết tiền huê nên tôi không chấp nhận trả. Về số tiền tôi chơi huê với bà H thì hiện nay tôi chưa biết chính xác số tiền cụ thể nên tôi sẽ khởi kiện bà H riêng. Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bà H1 khai: Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của bà H đề nghị tôi trả số tiền gốc và lãi suất phát sinh thì tôi chỉ đồng ý trả số tiền gốc khoảng hơn 6 triệu đồng còn lãi suất thì không đồng ý trả.

Người làm chứng bà Nguyễn Hoài Ngọc T1 trình bày:

Tôi là chị dâu của bà H1, trong năm 2024 tôi có tới tiệm gội đầu chơi và phụ bà H1 gội đầu cho khách, tôi có gặp và chứng kiến bà Nguyễn Thị H đến thu tiền lời của bà H1, nghe bà H1 nói là thu 60.000 đồng/ngày. Còn cụ thể số tiền như thế nào, việc vay mượn ra sao thì giữa bà H1 và bà H làm việc trực tiếp với nhau, không liên quan gì tới tôi.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà T1 trình bày: Thực tế hiện nay tôi không phải là chị dâu của bà H1, đầu năm 2025 tôi đến tiệm gội đầu của bà H1 thì tôi thấy bà H thu của bà H1 số tiền 60.000 đồng/ngày và 175.000đồng/ ngày, số tiền này tôi không biết tiền gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2025/DS-ST ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 465; Điều 466; khoản 1 Điều 468; khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu thay đổi đơn khởi kiện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị Diễm H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền: 27.724.000đồng. Trong đó, nợ gốc 24.028.456đồng và lãi suất tính từ ngày 08/9/2025 3.696.000đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 22/9/2025, bị đơn kháng cáo chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền gốc vay 6.490.000 đồng.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H1 kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H1:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào các ngày 02/6/2024, 03/8/2024, nguyên đơn bà H cho bị đơn bà H1 vay không kì hạn tổng số tiền 30.000.000đồng. Mặc dù trong giấy nợ không ghi mức lãi suất vay, nhưng hai bên đều thừa nhận có thỏa thuận miệng về lãi suất vay nên có cơ sở xác định giữa hai bên xác lập hợp đồng vay không kì hạn và có lãi.

Bị đơn cho rằng lãi vay 2.000 đồng/1 triệu/ ngày tương đương mức lãi suất là 6%/tháng và từ ngày 02/6/2024 đến ngày 26/02/2025 đã nhiều lần trả tiền lãi cho nguyên đơn số tiền 13.260.000 đồng trong đó 8.400.000 đồng chuyển khoản cho nguyên đơn và 3.360.000 đồng trả bằng tiền mặt không có giấy tờ. Nguyên đơn thừa nhận có nhận chuyển khoản của bị đơn là 8.400.000 đồng và cho rằng trong số tiền 8.400.000 đồng thì bị đơn đã trả tiền lãi suất với mức 1,66%/tháng từ ngày 02/6/2024 đến ngày 03/12/2024 là 2.428.456 đồng và 5.971.544 đồng bị đơn trả tiền gốc vay.

Bị đơn cho rằng đã trả tiền nhiều lần bao gồm gốc và lãi, chỉ còn nợ lại 6.490.000 đồng tuy nhiên không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất mà nguyên đơn cho bị đơn vay 1,66%/tháng và xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc vay là 24.028.456đồng sau khi trừ số tiền lãi vay và gốc vay bị đơn đã trả từ ngày 02/6/2024 đến ngày 03/12/2024 là 8.400.000đồng (lãi 2.428.456đồng, gốc 5.971.544đồng), đồng thời buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi từ ngày 04/12/2024 đến ngày 08/9/2025 là 278 ngày x 1.66%/ tháng x 24.028.456đồng: 30 ngày = 3.696.000đồng, tổng cộng gốc lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 27.724.000đồng là có căn cứ pháp luật.

[3] Tại cấp phúc thẩm, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H1; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2025/DS-ST ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 465; Điều 466; khoản 1 Điều 468; khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015. Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu thay đổi đơn khởi kiện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị Diễm H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 27.724.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng*); trong đó, nợ gốc 24.028.456 đồng (*Hai mươi bốn triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm năm mươi sáu đồng*) và nợ lãi 3.696.000 đồng (*Ba triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[2] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H1 phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng đã nộp tạm ứng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001164 ngày 30/9/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, đã nộp đủ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Thuần Lưu Thị Thu Hường

Lê Thị Thái Lan

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- P.TTNV&THA;
- TAND khu vực 1;
- Phòng THADS khu vực;
- Đường sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thái Lan

